

**DANH SÁCH CÁC XÃ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	TÊN TỈNH, HUYỆN, XÃ	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo				Thuộc khu vực	Ghi chú
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3	ĐK4		
1	2	3	4	5	6	$\frac{7=6:5}{\times 100\%}$	8	$\frac{9=8:5}{\times 100\%}$	10	$\frac{11=10:8}{\times 100\%}$	12	13	14	15	16	17
TỈNH QUẢNG BÌNH		15	133	10,197	5,857	57.4	3,893	38.18	3,544	91.04						
I	Huyện Minh Hóa	7	58	5,033	2,618	52.0	1,912	37.99	1,688	88.28						
1	Xã Hóa Phúc		2	177	28	15.8	12	6.78	1	8.33					I	
2	Xã Trọng Hóa		17	938	904	96.4	765	81.6	765	100.0					III	BG
3	Xã Dân Hóa		11	920	839	91.2	728	79.1	709	97.4					III	BG
4	Xã Hóa Tiên		6	758	172	22.7	93	12.3	14	15.1					II	
5	Xã Hóa Sơn		5	428	294	68.7	81	18.9	60	74.1	x				III	BG
6	Xã Thượng Hóa		9	814	216	26.5	170	20.9	130	76.5					III	BG
7	Xã Hóa Hợp		8	998	165	16.5	63	6.31	9	14.3	x	x			I	NTM
II	Huyện Lệ Thủy	3	24	2,205	1,455	66.0	792	35.92	740	93.43						
1	Xã Ngân Thủy		6	615	371	60.33	183	29.76	166	90.71					III	
2	Xã Lâm Thủy		6	396	357	90.15	180	45.45	179	99.44					III	BG
3	Xã Kim Thủy		12	1,194	727	60.89	429	35.93	395	92.07					III	BG
III	Huyện Quảng Ninh	2	28	1,929	957	49.6	517	26.8	470	90.9						
1	Xã Trường Sơn		19	1,220	722	59.2	414	33.9	378	91.3					III	BG
2	Xã Trường Xuân		9	709	235	33.1	103	14.5	92	89.3					II	

IV	Huyện Bồ Trách	2	20	718	687	95.7	527	73.4	527	100						
1	Thượng Trách	1	18	621	595	95.8	451	72.6	451	100					III	BG
2	Tân Trách	1	2	97	92	94.8	76	78.4	76	100					III	
V	Huyện Tuyên Hóa	1	3	312	140	44.9	145	46.5	119	82.1						
1	Xã Lâm Hóa		3	312	140	44.9	145	46.5	119	82.1					III	

**DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG BÌNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBK
	Tổng cộng	102
	Xã có thôn vùng DTTS&MN	3
	Xã khu vực I	0
	Xã khu vực II	5
	Xã khu vực III	94
I	HUYỆN MINH HÓA	
1	Xã Dân Hóa	III
	Bản Cha Lo	
	Bản Bãi Dinh	
	Bản K-Ai	
	Bản Ôốc	
	Bản K-Vi	
	Bản Ba Loóc	
	Bản Y Leng	
	Bản K-Định	
	Bản Tà Leng	
	Bản Tà Rà	
	Bản Hà Nông	
2	Xã Trọng Hóa	III
	Bản K-Ing	
	Bản Khe Rông	
	Bản Rông	
	Bản La Trọng I	
	Bản La Trọng II	
	Bản Lé	
	Bản Hưng	
	Bản Ông Tú	
	Bản K -Rét	
	Bản Khe Cáy	

	Bản Pa Choong	
	Bản Ra Mai	
	Bản K.Óoc	
	Bản Sy	
	Bản Cha Cáp	
	Bản Dộ- Tà Vòng	
	Bản Lòm- K.Chăm	
3	Xã Hóa Sơn	III
	Bản Hóa Lương	
	Bản Lương Năng	
	Thôn Tăng Hóa	
4	Xã Thượng Hóa	III
	Bản Phú Minh	
	Bản Ón	
	Bản Yên Hợp	
	Bản Mò o Ò ò	
5	Xã Hóa Tiến	II
	Thôn Yên Vân	
II	HUYỆN LỆ THỦY	
1	Xã Kim Thủy	III
	Bản Chuôn	
	Bản Bang	
	Bản Côn Cùg	
	Bản Mít	
	Bản Ho Rum	
	Bản Trung Đoàn	
	Bản An Bai	
	Bản Hà Lọc	
	Bản Khe Khé	
	Bản Cây Bông	
2	Xã Lâm Thủy	III
	Bản Eo Bù- Chút Mút	
	Bản Bạch Đàn	
	Bản Tân Ly	
	Bản Tăng Ký	
	Bản Xà Khía	
	Bản Mới	

3	Xã Ngân Thủy	III
	Bản Khe Sung	
	Bản Đá Còi	
	Bản Khe Giữa	
	Bản Km 14	
	Bản Cửa Mọc	
III	HUYỆN QUẢNG NINH	
1	Xã Trường Sơn	III
	Bản Chân Trộng	
	Bản Đá Chát	
	Bản Bến Đường	
	Bản Thượng Sơn	
	Bản Cây Cà	
	Bản Trung Sơn	
	Bản Dốc Mây	
	Bản Cây Sú	
	Bản CỎ Tràng	
	Bản Khe Cát	
	Bản PLoang	
	Bản Rìn Rìn	
	Bản Hôi Rầy	
	Bản Nước Đắng	
	Bản Sắt	
2	Xã Trường Xuân	II
	Bản Khe Dây	
	Bản Khe Ngang	
	Bản Lâm Ninh	
	Bản Hang Chuồn-Nà Lâm	
IV	HUYỆN TUYẾN HÓA	
1	Xã Lâm Hóa	III
	Bản Chuối	
	Bản Cáo	
	Bản Kè	
2	Xã Thanh Hóa	
	Bản Cà Xen	
V	HUYỆN BỐ TRẠCH	
1	Xã Thượng Trạch	III

	Bản Cờ Đỏ	
	Bản 51	
	Bản Chấm Pu	
	Bản Cu Tồn	
	Bản Coóc	
	Bản Noòng Cù	
	Bản Côn Roàng	
	Bản Khe Rung	
	Bản Bản 61	
	Bản Noòng Mới	
	Bản Ban	
	Bản Troi	
	Bản Tuộc	
	Bản A Ky	
	Bản Cà Roòng 2	
	Bản Cà Roòng 1	
	Bản Nụ	
	Bản Bụt	
2	Xã Tân Trạch	III
	Bản Arem	
	Bản Đòong	
3	TT NT Việt Trung	
	Bản Khe Ngát	
4	TT Phong Nha	
	Bản Rào Con	